

Số: 01/BC-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN  
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn (Công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua trong phiên họp ngày 28 tháng 7 năm 2016.
  - Căn cứ Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua trong phiên họp ngày 25 tháng 5 năm 2017.
  - Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam ngày 30 tháng 3 năm 2019.
- Ban kiểm soát Công ty báo cáo một số nội dung như sau:

**I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019:**

1. Ban kiểm soát hoạt động gồm ba (03) thành viên:

Lương, thù lao và chi phí hoạt động năm 2019 của từng thành viên BKS: Được thực hiện theo Điều 44, Chương IX, Điều lệ Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn. Cụ thể:

- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 25 triệu đồng/người/tháng
  - Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng
2. Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo quy định tại Điều lệ Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:
- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với HĐQT, Ban Điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.
  - Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua ngày 08/4/2019.
  - Tham gia các cuộc họp của HĐQT.
  - Triển khai thực hiện đợt kiểm soát hoạt động năm 2019 tại trụ sở Công ty và các Phòng ban, Xí nghiệp trực thuộc với các nội dung sau:
    - + Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT năm 2019.
    - + Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2019.
    - + Kiểm tra, giám sát phòng kỹ thuật vật tư về hiệu quả sử dụng vốn, phương thức kinh doanh, hiệu quả kinh doanh, sổ sách kế toán và phương thức hạch toán.
    - + Kiểm tra, giám sát Xí nghiệp Sapaco về hiệu quả sử dụng vốn, phương thức kinh doanh, hiệu quả kinh doanh, sổ sách kế toán và phương thức hạch toán.
    - + Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng 2019 và năm 2019 đã được kiểm toán cho năm tài chính 2019.
    - + Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý nhiên liệu của Phòng Kỹ thuật Vật tư và hạch toán kế toán của Phòng Tài chính Kế toán.



## II. Tình hình kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2019:

Từ ngày 20/4/2020 đến ngày 28/4/2020, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát báo cáo tài chính năm 2019 và quý I năm 2020 của Công ty phát hiện:

+ Về doanh thu năm 2017, 2018: Công ty đã hạch toán doanh thu trợ giá (30% lương lái xe cho các tuyến buýt có sử dụng hệ thống bán vé tự động) không đúng với doanh thu trợ giá thực nhận mà hạch toán theo số liệu doanh thu trợ giá Công ty ước tính dựa trên chủ trương của UBND TP.HCM<sup>1</sup> tại văn bản số 12063/VP-ĐT ngày 30/10/2018 nhưng chưa ký Phụ lục hợp đồng đặt hàng với Trung tâm Quản lý giao thông công cộng.

+ Về chi phí: Công ty đã hạch toán và phân bổ chi phí (nhiên liệu dầu DO) từ năm 2016 đến quý I/2020 về lượng nhập, xuất, tồn trên sổ sách kế toán không đúng với số liệu thực tế cho từng năm. Cụ thể: năm 2016, năm 2017, năm 2018 số liệu hạch toán trên sổ sách kế toán nhỏ hơn số liệu thực tế đưa vào sản xuất kinh doanh; năm 2019 và quý I/2020 số liệu trên sổ sách kế toán lớn hơn số liệu thực tế đưa vào sản xuất kinh doanh.

⇒ Việc phân bổ và hạch toán của đơn vị như trên đã phản ánh không đúng kết quả kinh doanh của đơn vị về doanh số, chi phí, lãi lỗ; Báo cáo tài chính phản ánh không trung thực khách quan (lời giả, lỗ thật) vi phạm về chuẩn mực kế toán số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ Tài chính và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Qua kiểm tra, giám sát thì lỗ lũy kế thực tế đến ngày 31/3/2020 là 200.260.033.658 đồng. Trong đó: năm 2016 lỗ 4.511.153.162 đồng, năm 2017 lỗ 35.962.636.090 đồng, năm 2018 lỗ 63.016.238.430 đồng, năm 2019 lỗ 51.641.409.355 đồng, quý I/2020 lỗ 45.128.596.621 đồng.  
(Phụ lục 1, Phụ lục 2 đính kèm).

### 1. Tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã có Nghị quyết số 402/NQ-ĐHĐCĐ/2019 ngày 08/4/2019, trong đó có các nội dung chính như sau:

#### 1.1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019

##### 1.1.1. Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán:

**Bảng số 01: Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019**

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch (Triệu đồng)	Thực hiện (Triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
1.	Vốn điều lệ	600.000	600.000	100%
2.	Tổng doanh thu, trong đó:	683.670	594.109	86,90%
	<i>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		577.411	
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>		273	
	<i>Thu nhập khác</i>		16.425	
3.	Chi phí, trong đó:	669.270	663.180	99,09%
a.	<i>Quỹ lương thực hiện của NLĐ</i>	165.000	159.158 <sup>2</sup>	96,46%
b.	<i>Quỹ lương, thù lao của Ban điều hành</i>	3.384	3.584	105,91%

1 Văn bản số 12063/VP-ĐT ngày 30/10/2018 của UBND TP.HCM về chủ trương duy trì và phát triển hệ thống bán vé tự động trên các tuyến buýt có trợ giá.

2 Ban Điều hành tăng thêm 01 Phó Tổng Giám đốc theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT/SGB ngày 01/8/2019 về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty.



Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch (Triệu đồng)	Thực hiện (Triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
4.	Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động SXKD <sup>3</sup>	14.400	(69.071)	

**1.1.2. Theo số liệu kiểm tra thực tế (Ban kiểm soát):**

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch (Triệu đồng)	Thực hiện (Triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
1.	Vốn điều lệ	600.000	600.000	100%
2.	Tổng doanh thu, trong đó:	683.670	594.109	86,90%
	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		577.411	
	Doanh thu hoạt động tài chính		273	
	Thu nhập khác		16.425	
3.	Chi phí, trong đó:	669.270	645.750	96,49%
4.	Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động SXKD <sup>4</sup>	14.400	(51.641)	

**Thuyết minh:**

- Về doanh thu: Số liệu của Ban kiểm soát là: 594.109 triệu đồng khớp với doanh thu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trong đó:
  - + Doanh thu cung cấp dịch vụ: 577.410.613.142 đồng.
  - + Doanh thu tài chính: 273.480.626 đồng.
  - + Thu nhập khác: 16.424.658.756 đồng.
- Về chi phí: Tổng chi phí thực tế là: 645.750 triệu đồng giảm 17.430 triệu đồng so với báo cáo tài chính (Đơn vị đã kê khai chi phí dầu DO là: 6.574.443 lít, trị giá 97.056.582.762 đồng, đúng ra thực tế chỉ sử dụng: 5.380.569 lít, trị giá: 79.626.553.665 đồng) nguyên nhân như đã nêu tại phần II.
- Về lãi (lỗ): Đơn vị hạch toán lỗ: - 69.071.438.452 đồng, đúng ra đơn vị chỉ có lỗ: - 51.641.409.355 đồng là do đơn vị khai tăng giá vốn dầu DO: 17.430.029.097 đồng như nêu tại phần trên.

**1.2. Hoạt động đầu tư:**

**1.2.1. Đầu tư phương tiện**

Nguồn vốn đầu tư: Vay thương mại 70% và vốn chủ sở hữu 30%

Stt	Loại hình hoạt động	Nghị quyết và Quyết định của HĐQT			Thực hiện (tính đến thời điểm ngày 31/12/2019)			Tỷ lệ hoàn thành (%)	
		Loại xe	Số lượng (xe)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Loại xe	Số lượng (xe)	Giá trị (tỷ đồng)	Số lượng	Giá trị
1.	Buýt		104	270,29		0	0	0	0
1.1.	Tuyển buýt số 30	Xe buýt CNG loại lớn	21	57,75		0	0	0	0
1.2.	Các tuyến buýt có phương tiện cũ		83	212,54		0	0	0	0

<sup>3</sup> Lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm lãi/lỗ từ hoạt động thanh lý tài sản (nếu có).

<sup>4</sup> Lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm lãi/lỗ từ hoạt động thanh lý tài sản (nếu có).

Stt	Loại hình hoạt động	Nghị quyết và Quyết định của HĐQT			Thực hiện (tính đến thời điểm ngày 31/12/2019)			Tỷ lệ hoàn thành (%)	
		Loại xe	Số lượng (xe)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Loại xe	Số lượng (xe)	Giá trị (tỷ đồng)	Số lượng	Giá trị
a.	Tuyến buýt số 50	Xe buýt loại lớn	11	30,25		0	0	0	0
b.	Tuyến buýt số 52	Xe buýt loại lớn	11	30,25		0	0	0	0
c.	Tuyến buýt số 55	Xe buýt loại lớn	39 <sup>5</sup>	110,24		0	0	0	0
d.	Tuyến buýt số 91	Xe buýt loại trung	16	30,4		0	0	0	0
e.	Tuyến buýt số 96	Xe buýt loại trung	6	11,4		0	0	0	0
2.	Hoạt động dịch vụ		24	40,918		1	1,24	4,17	3,02
2.1.	Tuyến Campuchia	Ford Limousine	5	7,5	Hyundai Solati	1	1,24	20	16,5
		Limousine 19 chỗ	5	14		0	0	0	0
2.2.	Đưa rước công nhân	Xe 30 chỗ	4	7,6		0	0	0	0
		Xe 16 chỗ	5	4,5		0	0	0	0
		Xe 7 chỗ	2	2,8		0	0	0	0
		Xe 5 chỗ	3	4,518		0	0	0	0
Tổng cộng			128	311,208		1	1,24	0,78	0,4

a. Đối với hoạt động buýt:

❖ Đầu tư phương tiện tuyến 30:

Theo Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 22/3/2019 của HĐQT Công ty tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019: Công ty chỉ triển khai tiếp tục đầu tư tuyến 30 ngay khi có chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND TP.

Tình hình thực hiện: chưa thực hiện.

❖ Đầu tư phương tiện cho 05 tuyến xe buýt cũ còn lại (Tuyến buýt số 50, 52, 55, 91 và 96):

Theo Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 22/3/2019 của HĐQT Công ty tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019: Công ty đầu tư tùy theo tình hình thực tế trợ giá và tình hình phải thay đổi phương tiện mới.

Tình hình thực hiện: Công ty chỉ mới triển khai thực hiện đầu tư phương tiện cho 01/05 tuyến buýt có phương tiện cũ là tuyến buýt số 55.

b. Đối với hoạt động tuyến Campuchia: Công ty đã đầu tư 01 xe Hyundai Solati.

c. Đối với hoạt động đưa rước công nhân: chưa thực hiện.

### 1.2.2 Đầu tư dự án

❖ Theo Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 22/3/2019 của HĐQT Công ty tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019: thực hiện theo tiến độ kế hoạch cả Tổ dự án sau khi được HĐQT thông qua.

❖ Tình hình thực hiện:

<sup>5</sup> Theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT/SGB ngày 15/8/2019 của HĐQT Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn về việc Phê duyệt Dự án đầu tư xe buýt mới trên tuyến Công viên phần mềm Quang Trung – Khu công nghệ cao (MST: 55).



Về điều chỉnh quy hoạch cục bộ 1/2000 đối với khu đất 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình: Ngày 23/3/2020, Sở Quy hoạch Kiến trúc có văn bản số 979/SQHKT-QHKV2 đề nghị Sở Tài chính (Ban chỉ đạo 167) và Sở Kế hoạch Đầu tư có ý kiến chính thức bằng văn bản để Sở Quy hoạch Kiến trúc tổng hợp báo cáo UBND TP theo chỉ đạo tại văn bản số 6175/TB-VP ngày 15/7/2019 truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND TP giao các sở ban ngành có ý kiến.

### **1.3. Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019:**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

## **2. Tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT năm 2019:**

**2.1.** Trong năm 2019, HĐQT đã ban hành 14 Nghị quyết, quyết định. Trong đó:

- Có 11 Nghị quyết, quyết định đã thực hiện xong. Cụ thể:
    - + Nghị quyết 01/NQ-HĐQT/SGB ngày 24/01/2019 về việc thông qua ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.
    - + Nghị quyết 02/NQ-HĐQT/SGB ngày 24/01/2019 về việc thông qua quyết toán quỹ lương, thù lao của HĐQT năm 2018 và kế hoạch năm 2019.
    - + Quyết định 03/QĐ-HĐQT/SGB ngày 24/01/2019 về việc thông qua quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2018 và quỹ lương kế hoạch năm 2019 của người lao động và Ban điều hành Công ty.
    - + Nghị quyết 04/NQ-HĐQT/SGB ngày 24/01/2019 về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
    - + Nghị quyết 05/QĐ-HĐQT/SGB ngày 24/01/2019 về thông qua kế hoạch đầu tư năm 2019.
    - + Quyết định 06/QĐ-HĐQT/SGB ngày 22/3/2019 về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính 2018.
    - + Nghị quyết 07/NQ-HĐQT/SGB ngày 22/3/2019 về việc thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.
    - + Quyết định 08/QĐ-HĐQT/SGB ngày 22/3/2019 về việc thông qua phân phối lợi nhuận dự kiến năm 2019.
    - + Quyết định 10/QĐ-HĐQT/SGB ngày 09/7/2019 về sửa đổi các quy chế về tiền lương.
    - + Quyết định 11/QĐ-HĐQT/SGB ngày 01/8/2019 về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty.
    - + Quyết định 14/QĐ-HĐQT/SGB ngày 28/10/2019 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Dự án đầu tư xe buýt mới trên tuyến Công viên phần mềm Quang Trung - Khu Công nghệ cao (MST: 55).
    - Có 03 quyết định đang thực hiện:
      - + Quyết định 09/QĐ-HĐQT/SGB ngày 10/4/2019 về việc đăng ký mở đại lý 5S của Huyndai.
      - + Quyết định 12/QĐ-HĐQT/SGB ngày 15/8/2019 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xe buýt mới trên tuyến Công viên phần mềm Quang Trung – Khu công nghệ cao (MST: 55).
      - + Quyết định 13/QĐ-HĐQT/SGB ngày 20/9/2019 về việc triển khai xây dựng công trình Văn phòng và nhà để xe Phan Văn Trị.
- 2.2.** Tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT đã ban hành năm 2018 nhưng tiếp tục thực hiện trong năm 2019:
- Nghị quyết số 18/NQ- HĐQT/SGB ngày 16/03/2018 về kế hoạch thực hiện dự án tại Bãi xe 592 Cộng Hòa và Nghị quyết số: 25/NQ- HĐQT/SGB ngày 22/06/2018

về thống nhất chủ trương triển khai đầu tư xây dựng bãi đậu xe tĩnh cao tầng kết hợp các loại hình khác tại khu đất số 592 đường Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình.

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT/SGB ngày 16/03/2018 về chủ trương thanh lý phương tiện vận tải.
- Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT/SGB ngày 16/03/2018 về chuyển đổi Xưởng đóng mới xe khách thành Xí nghiệp dịch vụ tổng hợp.
- Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT/SGB ngày 16/03/2018 về chủ trương xây dựng mới trạm nạp khí CNG tại Bãi xe Lạc Long Quân.
- Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT/SGB ngày 16/03/2018 về kế hoạch thực hiện dự án tại Bãi xe Phổ Quang.

### 3. Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2019

#### 3.1. Tình hình hoạt động SXKD năm 2019 theo thực tế (Báo cáo kiểm soát):

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty cụ thể như sau:

**Bảng số 2: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019**  
(từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)

❖ So với kế hoạch kinh doanh:

Đvt: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1.	Tổng doanh thu	683.670	594.109	86,90%
2.	Chi phí	669.270	645.750	96,49%
3.	Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động SXKD	14.400	(51.641)	
4.	Vốn điều lệ	600.000	600.000	100%

❖ So với cùng kỳ năm 2018:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	So sánh 2019 so với 2018	
			+/-	%
Vốn điều lệ	600.000	600.000	0	100,00
Tổng doanh thu	623.763	594.109	(29.654)	95,25
- Trong đó: Doanh thu thuần	607.654	578.829	(28.825)	95,26
Tổng chi phí	686.778	645.750	(41.028)	94,03
- Trong đó: Giá vốn hàng bán	611.676	605.926	(5.750)	99,06
Lợi nhuận trước thuế	(63.016)	(51.641)	11.375	81,95

❖ Nhận xét:

- Sau khi Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra doanh thu, chi phí thực tế qua các năm thì nhận thấy Công ty không hoàn thành kế hoạch, tiếp tục lỗ. Lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 là 51.641 triệu đồng. Số lỗ lũy kế đến 31/12/2019 là 155.131 triệu đồng, thay vì theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 thì lỗ lũy kế là 106.478 triệu đồng.



- Tổng doanh thu thực tế năm 2019 là 594.109 triệu đồng đạt 95,25% so với năm 2018. Trong đó, doanh thu thuần đạt 95,26% so với cùng kỳ năm 2018.
- Tổng chi phí năm 2019 là 645.750 triệu đồng, giảm so với cùng kỳ năm 2018 là 5,97%. Trong đó: Giá vốn hàng bán là 605,926 tỷ đồng chiếm 99,06% tổng chi phí.
- Lợi nhuận trước thuế: Năm 2019 lỗ 51,641 tỷ đồng so với năm 2018 giảm 11.375 tỷ đồng.

**3.2. Tình hình đầu tư tài chính và góp vốn vào doanh nghiệp khác:** Không có

**3.3. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn**

- Vốn góp của chủ sở hữu: 600.000.000.000 đồng
- Tổng tài sản: 841.651.625.981 đồng
- Lợi nhuận sau thuế (theo Báo cáo tài chính): (69.071.438.452) đồng
- Lợi nhuận sau thuế (theo số liệu thực tế của Ban kiểm soát): (51.641.409.355) đồng
- Hiệu quả sử dụng vốn:
  - + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE): âm
  - + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA): âm

Sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ, Công ty chưa bảo toàn được vốn.

**4. Kiểm tra chuyên đề:**

Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn 9 tháng đầu năm 2019 tại Phòng Kỹ thuật Vật tư và Xí nghiệp Dịch vụ, Vận tải - Du lịch Sapaco cho thấy: việc kinh doanh và sử dụng vốn tại 02 đơn vị chưa hiệu quả, chưa tận dụng lợi thế sẵn có cũng như các hoạt động hỗ trợ khác của địa điểm trên để khai thác kinh doanh; Chưa thực hiện kịp thời việc thanh lý 278 xe theo Nghị quyết của HĐQT để giảm bớt số tiền lỗ khi thanh lý; Việc xuất hóa đơn cho khách hàng mua lẻ xăng dầu thực hiện chưa đúng theo Điều 18, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, sử dụng hóa đơn. Ban Kiểm soát đã có báo cáo kết quả kiểm tra giám sát trình HĐQT xem xét để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

**5. Về thông tin báo cáo tài chính và công tác tài chính kế toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam:**

- Một số ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam như sau:

"1.

- + Khoản phải thu về tiền trợ giá xe buýt mới được quyết toán đến năm 2013.
- + Năm 2019, Công ty đang tính doanh thu trợ giá theo Quyết định 23/2012/QĐ-UBND ngày 09/6/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và có bổ sung kinh phí trợ giá xe buýt do điều chỉnh ca máy đối với các phương tiện đầu tư mới theo Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 30/8/2019.

+ Các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng chưa được thanh lý từ năm 2014 đến nay.

Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.



2. Báo cáo tài chính, trong tài sản cố định hữu hình có: Công trình văn phòng và 278 xe Bus với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 60.226.090.511 VND hiện đang ngưng hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và chờ thanh lý theo Biên bản họp số 05/BB-HĐQT/SGB và Nghị quyết số 09/NQ- HĐQT/SGB của Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 03 năm 2018. Kết quả lãi hoặc lỗ do thanh lý các công trình, phương tiện này sẽ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm thanh lý. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa thể hiện chi phí hao mòn của các tài sản nêu trên với giá trị khấu hao ước tính là 26.965.951.999 VND.

3. Trong năm, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với giá trị là 1.854.000.000 VND. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, nếu phản ánh theo giá trị hợp lý thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng 1.854.000.000 VND và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ giảm đi tương ứng là 1.854.000.000 VND.

4. Tính đến ngày 31/12/2019, Công ty đã chi vượt quỹ lương với số tiền là 3.656.375.684 VND, làm cho khoản mục tiền lương phải trả người lao động có số dư Nợ với số tiền tương ứng. Việc quyết toán quỹ lương sẽ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty chưa xử lý khoản lương chi thừa này và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 có thể thay đổi khi quỹ lương được duyệt.

- Ngoài những ý kiến ngoại trừ nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”.

#### **5.1. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tài chính tính đến ngày 31/12/2019 theo Báo cáo tài chính kiểm toán:**

##### **5.1.1. Nợ phải thu của khách hàng:**

- Số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2019 là 43,471 tỷ đồng, tăng 33,3% so với năm 2018; trong đó có một số khoản phát sinh lớn như sau:

Công ty TNHH Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh: Nợ phải thu đến 31/12/2019 là: 7.503.322.326 đồng tăng 4,6 lần. Đây là công nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán xăng dầu, thời điểm phát sinh công nợ 16/07/2019.

Công ty TNHH GB Hà Nội với giá trị phải thu là 6.180.000.000 đồng. Đây là công nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán xe đóng mới số 751/HĐMB-SGB-GB và PLHĐ 751/HĐMB-SGB-GB ngày 19/03/2016, thời điểm phát sinh công nợ: 19/08/2016.

Công ty Phúc Anh với giá trị nợ phải thu là 3.861.000.000 đồng. Đây là công nợ phát sinh từ Hợp đồng thanh lý 50 xe đã qua sử dụng, hóa đơn 2140 ngày 31/12/2019, thời điểm phát sinh công nợ 31/12/2019.

##### **5.1.2. Nợ phải thu ngắn hạn khác:**

- Số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2019 là 99,492 tỷ đồng, Trong đó các khoản phải thu của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng là 69,708 tỷ đồng, chiếm 70,06% các khoản phải thu ngắn hạn khác. Cụ thể:



+ Phải thu tiền trợ giá xe bus, đưa rước công nhân, đưa rước học sinh<sup>6</sup> là 55,762 tỷ đồng, chiếm 56,05% các khoản phải thu ngắn hạn khác.

+ Phải thu về tiền phạt mất chuyến đang chờ giải quyết là 9,881 tỷ đồng, chiếm 9,93% các khoản phải thu ngắn hạn khác.

+ Phải thu tiền vé tập là 4,064 tỷ đồng, chiếm 4,09% các khoản phải thu ngắn hạn khác

- Phải thu NSNN (Dự án nhà 39 Hải Thượng Lãn Ông): 9.018.758.070 đồng. Đây là khoản thu NSNN sau khi quyết toán đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc của công ty” được duyệt theo Quyết định số: 3064/QĐ-UBND.TPHCM ngày 14/06/2016 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

- Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 793 triệu đồng cho khoản nợ xấu giá trị 1,103 tỷ đồng.

- Đến ngày 31/12/2019, khoản tạm ứng Công ty là 4,5 tỷ đồng.

#### 5.1.3. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho tại ngày 31/12/2019 là 34,799 tỷ đồng, giảm 13,8% so với năm 2018, chiếm 4,13% tổng tài sản, chiếm 5,86% tổng doanh thu, chủ yếu là nguyên liệu, vật liệu: 32,845 tỷ đồng, chiếm 94,38% tổng số hàng tồn kho.

#### 5.1.4. Tổng nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 339,088 tỷ đồng, chiếm 40,29% tổng tài sản, chiếm 57,08% tổng doanh thu năm 2019.

### 5.2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản theo Báo cáo tài chính kiểm toán:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	72
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	28
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	40
	- Nguồn vốn CSH/Tổng Nguồn vốn	%	60
	- Nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	0,67
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>		
	- Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,12
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,88
	- HS khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,04
<b>4</b>	<b>Hiệu quả</b>		
	- Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản - ROA	%	âm
	- Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu - ROS	%	âm
	- Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH - ROE	%	âm

#### ❖ Cơ cấu nguồn vốn:

- Tại ngày 31/12/2019, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 0,67 lần cho thấy tài sản của Công ty được tài trợ chủ yếu bởi nguồn vốn chủ sở hữu, có nghĩa là nợ phải trả chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng tài sản hay tổng nguồn vốn.

<sup>6</sup> Các khoản phải thu của Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt chưa được quyết toán

- Nguồn vốn CSH/ tổng nguồn vốn đạt 60% và nợ phải trả/tổng nguồn vốn đạt 40%, điều này cho thấy Công ty hoạt động chủ yếu bằng nguồn vốn chủ sở hữu.

❖ Hệ số khả năng thanh toán:

- Khả năng thanh toán tức thời thấp, chỉ đạt 0,12 lần do tiền và tương đương tiền năm 2019 là 26,477 tỷ đồng trong khi đó nợ ngắn hạn là 223,941 tỷ đồng. Điều này dẫn đến khả năng thanh toán tức thời thấp, cho thấy Công ty gặp khó khăn trong việc cân đối dòng tiền trả nợ.

- Khả năng thanh toán nhanh chỉ đạt 0,88 lần cho thấy Công ty sẽ không đủ khả năng thanh toán ngay lập tức toàn bộ khoản nợ ngắn hạn, sẽ gặp nhiều khó khăn nếu phải thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn đạt 1,04 lần.

❖ Các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh:

- Tài sản của Công ty được hình thành từ vốn vay và vốn chủ sở hữu. Cả hai nguồn vốn này được sử dụng để phục vụ cho các hoạt động SXKD của Công ty. Hiệu quả của việc chuyển vốn đầu tư thành lợi nhuận được thể hiện qua các chỉ tiêu về ROA, ROS và ROE, các chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả của Công ty trong việc quản lý, sử dụng tài sản và vốn của cổ đông để tạo ra lợi nhuận. Tuy nhiên, năm 2019 Công ty lỗ nên các chỉ tiêu về ROA, ROS và ROE đều âm.

- Trong năm 2019 Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

#### **6. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác**

- HĐQT đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát, Ban điều hành đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty khi có yêu cầu.

#### **7. Hoạt động khác của Ban kiểm soát:**

Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo pháp luật, các chế độ, quyền lợi của CBCNV, Lao động được thực hiện theo đúng Luật Lao động, Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động;

- Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV;

- Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ, đúng quy định, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, từ trần, ốm đau, bệnh tật được kịp thời, đầy đủ, chính xác.

- Các tổ chức chính trị, xã hội: công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí.

#### **III. Đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát:**

Để Công ty hoạt động hiệu quả hơn trong năm tới, Ban kiểm soát kiến nghị một số ý kiến sau:

1. Công tác quản trị:

- Tập trung triển khai tái cấu trúc lại Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn và những biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả kinh doanh, chủ động nguồn hàng đầu ra,



dầu vào, tăng thu nhập cho người lao động; Sử dụng vốn có hiệu quả, bảo toàn vốn cho chủ đầu tư theo mô hình công ty mẹ, công ty con.

- Sắp xếp bộ máy, rà soát và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các đơn vị, định biên nhân sự; Gộp các xí nghiệp có chức năng giống nhau thành một xí nghiệp; Cụ thể: 07 xí nghiệp vận tải xe buýt trong 3 bãi để xe thành 03 xí nghiệp (mỗi bãi xe một xí nghiệp).

- Giao kế hoạch khoán doanh thu, chi phí, lãi lỗ và hưởng lương theo thu nhập nhằm tăng tính chủ động, sáng tạo cho các công ty, xí nghiệp khai thác doanh thu, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

## 2. Công tác quản lý tài chính:

- Công tác kiểm soát thu chi: Kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác phê duyệt, quyết toán, thanh toán chi phí đảm bảo hợp lý; hạn chế chi bằng tiền mặt.

- Có biện pháp quyết liệt hơn trong công tác khắc phục những tồn tại tài chính: thu hồi công nợ, xử lý kịp thời các khoản nợ xấu tránh các trường hợp như thời gian vừa qua và xây dựng kế hoạch phát triển mở rộng thị trường.

- Đối với các khoản nhân viên tạm ứng, đề nghị Công ty cuối năm phải thanh toán hoàn tạm ứng dứt điểm.

- Công tác kiểm soát công nợ, hàng tồn kho:

- + Hàng tồn kho: thường xuyên kiểm kê hàng tồn kho, phân loại và theo dõi theo hợp đồng, tránh để tồn đọng hàng tồn kho.

- + Nợ phải thu: thường xuyên thực hiện nghiệm thu, đối chiếu công nợ phải thu với khách hàng để có cơ sở phân tích tuổi nợ, kịp thời trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành. Giao khoán chỉ tiêu thu hồi công nợ phải thu cho các đơn vị khoán đồng thời yêu cầu định kỳ báo cáo (tình hình quản lý và thu hồi công nợ; kiểm kê phân loại tuổi nợ và đề xuất các phương án thu hồi đối với các khoản công nợ phải thu khó đòi...).

- Quản lý chi phí: Quản lý tốt các khoản chi phí, kiểm soát chặt chẽ trong công tác dự toán chi phí.

## 3. Công tác hạch toán kế toán:

- Công ty đã hạch toán doanh thu (năm 2017, 2018) và chi phí (nhiên liệu dầu DO) từ năm 2016 đến 31/3/2020 không đúng với số liệu thực tế. Cụ thể:

- + Về doanh thu năm 2017, 2018: Công ty đã hạch toán doanh thu trợ giá (30% lương lái xe cho các tuyến buýt có sử dụng hệ thống bán vé tự động) không đúng với doanh thu trợ giá thực nhận mà hạch toán theo số liệu doanh thu trợ giá Công ty ước tính dựa trên chủ trương của UBND TP.HCM tại văn bản số 12063/VP-ĐT ngày 30/10/2018 nhưng chưa ký Phụ lục hợp đồng đặt hàng với Trung tâm Quản lý giao thông công cộng.

- + Về chi phí: Công ty đã hạch toán và phân bổ chi phí (nhiên liệu dầu DO) từ năm 2016 đến quý I/2020 về lượng nhập, xuất, tồn nhiên liệu trên sổ sách kế toán không đúng với số liệu thực tế cho từng năm. Cụ thể: năm 2016, năm 2017, năm 2018 số liệu hạch toán trên sổ sách kế toán nhỏ hơn số liệu thực tế đưa vào sản xuất kinh doanh; năm 2019 và quý I/2020 số liệu trên sổ sách kế toán lớn hơn số liệu thực tế đưa vào sản xuất kinh doanh.

⇒ Việc phân bổ và hạch toán của đơn vị như trên đã phản ánh không đúng kết quả kinh doanh của đơn vị về Doanh số, chi phí, lãi lỗ; Báo cáo tài chính phản ánh không trung thực khách quan (lời giả, lỗ thật) vi phạm về chuẩn mực kế toán số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ Tài chính và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn

chế độ kế toán doanh nghiệp. Ban kiểm soát báo cáo và đề nghị Hội Đồng Quản Trị, Đại hội đồng cổ đông xử lý những cá nhân vi phạm đồng thời chỉ đạo Ban Tổng giám đốc lập báo cáo điều chỉnh ngay số liệu kết quả kinh doanh của công ty về Doanh thu, giá vốn, chi phí, lãi, lỗ theo đúng thực tế kinh doanh cho từng năm tránh trường hợp lời giả lỗ thật như thời gian vừa qua, làm ảnh hưởng kết quả kinh doanh của các nhà đầu tư.

- Việc hạch toán và kết chuyển doanh thu, giá vốn, chi phí, lãi lỗ quý, 6 tháng, năm phải đúng kỳ kế toán để kết quả sản xuất kinh doanh được phản ánh trung thực khách quan và báo cáo kịp thời cho Ban giám đốc và HĐQT có hướng xử lý và chỉ đạo kịp thời.

#### **IV. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2020 của Ban kiểm soát:**

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2020 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.

- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

Trên đây là báo cáo của BKS Công ty đã thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm 2019, kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Quốc Soạn**



# PHỤ LỤC 1

	Thời gian	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
		Số lượng	Thành tiền (chưa VAT)	Số lượng	Thành tiền (chưa VAT)	Số lượng	Thành tiền (chưa VAT)	Số lượng	Thành tiền (chưa VAT)
SỐ THỰC TẾ	2016	75.718	873.095.101	577.471	6.717.048.506	573.352	6.662.429.394	79.837	927.714.213
	2017	79.837	927.714.213	6.354.046	80.110.843.891	6.374.553	80.230.294.054	59.330	808.264.050
	2018	59.330	808.264.050	5.986.846	92.357.115.210	5.982.300	92.204.945.172	63.875	960.434.088
	2019	63.875	960.434.088	5.369.961	79.438.766.437	5.380.570	79.626.553.665	53.266	772.646.860
	2020	53.266	772.646.860	896.079	12.532.988.596	899.192	12.676.037.993	50.153	629.597.463
	TC			19.184.402	271.156.762.640	19.209.967	271.400.260.278		
SỐ BÁO CÁO	2016	75.718	873.095.101	577.471	6.717.048.506	185.134	2.151.276.232	468.055	5.438.867.375
	2017	468.055	5.438.867.375	4.251.329	52.898.384.814	3.883.492	47.813.207.506	835.893	10.524.044.683
	2018	835.893	10.524.044.683	6.507.619	97.554.800.756	6.041.446	87.878.252.881	1.302.065	20.200.592.558
	2019	1.302.065	20.200.592.558	6.951.905	101.453.539.968	6.574.443	97.056.582.762	1.679.527	24.597.549.764
	2020	1.679.527	24.597.549.764	896.079	12.532.988.596	2.525.452	36.500.940.897	50.153	629.597.463
	TC			19.184.402	271.156.762.640	19.209.967	271.400.260.278		

## PHỤ LỤC 2

Năm	Số theo báo cáo			Kết quả kiểm tra thực tế			Chênh lệch (số thực - số báo cáo)		
	Doanh thu	Chi phí	Lãi/lỗ	Doanh thu	Chi phí	Lãi/lỗ (theo đúng doanh thu và chi phí nhiên liệu)	Doanh thu	Chi phí	Lãi/lỗ
2016	209.298.619.189	206.141.445.792	3.157.173.397	209.298.619.189	213.809.772.351	(4.511.153.162)	-	7.668.326.559	(7.668.326.559)
TRỢ GIÁ	160.449.412.075			160.449.412.075			-		
DOANH THU KHÁC	48.849.207.114			48.849.207.114			-		
2017	584.842.718.981	579.776.909.509	5.065.809.472	581.296.969.439	617.259.605.529	(35.962.636.090)	(3.545.749.542)	37.482.696.020	(41.028.445.562)
TRỢ GIÁ	182.961.822.350			182.961.822.350			-		
DOANH THU KHÁC	401.880.896.631			401.880.896.631			-		
2018	645.044.895.193	682.452.185.215	(37.407.290.022)	623.762.639.076	686.778.877.506	(63.016.238.430)	(21.282.256.117)	4.326.692.291	(25.608.948.408)
TRỢ GIÁ	227.442.285.963			227.442.285.963			-		
DOANH THU KHÁC	417.602.609.230			417.602.609.230			-		
2019	594.108.752.524	663.180.190.976	(69.071.438.452)	594.108.752.524	645.750.161.879	(51.641.409.355)	-	(17.430.029.097)	17.430.029.097)
TRỢ GIÁ	199.415.990.583			199.415.990.583			-		
DOANH THU KHÁC	394.692.761.941			394.692.761.941			-		
Quý 1/2020	62.148.651.655	155.929.956.839	(93.781.305.184)	86.976.657.314	132.105.253.935	(45.128.596.621)	24.828.005.659	(23.824.702.904)	48.652.708.563)
TRỢ GIÁ	31.956.027.049			31.956.027.049			-		
DOANH THU KHÁC	30.192.624.606			55.020.630.265			24.828.005.659		
Tổng	2.095.443.637.542	2.287.480.688.331	(192.037.050.789)	2.095.443.637.542	2.295.703.671.200	(200.260.033.658)	-	8.222.982.869)	(8.222.982.869)